TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01-02-2024
V/v tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thiện Lợi.

2. Ông Trương Công Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Bà Lương Thị Quỳnh- Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Vũ Thị M**, sinh năm 1985; Nơi ĐKHKTT: Số nhà A, đường T, tổ A, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Chỗ ở hiện nay: Số nhà B, ngõ H, đường L, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

- *Bị đơn***:** Anh **Bùi Viết L**, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Số nhà A, đường T, tổ A, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Chị M, anh L vắng mặt và có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/8/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị M trình bày***:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Viết L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình vào ngày 16/5/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cách sống không phù hợp, nhất là vấn đề kinh tế, đến tháng 6/2023 mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó đến nay. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng vợ chồng vẫn không hòa hợp được. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Viết L.

Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung là Bùi Viết V, sinh ngày 10/5/2002 hiện nay đã trưởng thành nên chị không đề nghị giải quyết việc nuôi dưỡng, con thứ hai là Bùi Viết A, sinh ngày 14/8/2009. Ly hôn, chị M xin được trực tiếp nuôi con Bùi Viết A và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, vợ chồng không vay chung ai tài sản gì và không cho ai vay chung tài sản gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại Biên bản lấy lời khai của bị đơn, anh Bùi Viết L trình bày***: Anh không có lỗi trong việc vợ chồng mâu thuẫn. Chị M có quan hệ với người đàn ông khác nên muốn ly hôn thì anh kệ chị M. Vợ chồng có 02 con chung như chị M trình bày. Ly hôn anh cũng nhất trí với ý kiến của chị M về việc nuôi con, anh cũng đồng ý với ý kiến của chị M không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Vợ chồng hiện tại không có tài sản gì chung. Trước khi chị M ra ngoài ở có đưa cho anh số tiền 40.000.000 đồng nhưng theo anh chị M vẫn cầm tiền chung của vợ chồng nhưng anh không biết cụ thể số tiền chị M cầm là bao nhiêu. Anh không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng anh. Vợ chồng anh không nợ chung ai, không cho ai vay, không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Biên bản ghi lời khai của ông Bùi Viết B và bà Nguyễn Thị D đều có địa chỉ số nhà A, tổ A, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình ngày 09/01/2024 là bố mẹ đẻ của anh L thể hiện:* Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống như chị M trình bày. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, cãi vã với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Vũ Thị M có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Đến tháng 7/2023 anh L có bắt được

quả tang nên chị M bỏ đi từ đó đến nay. Nay chị M có đơn khởi kiện ly hôn với anh L, quan điểm của gia đình ông bà vẫn tha thứ cho chị M nhưng nếu chị M vẫn kiên quyết thì ông bà cũng đành chấp nhận. Về con chung: Anh L và chị M có hai con chung như chị M trình bày. Hiện nay cháu V đã trên 18 tuổi đã trưởng thành còn cháu A hiện nay đang sống cùng chị M, ly hôn đề nghị Toà án giải quyết theo nguyện vọng cùng các cháu. Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung, không đóng góp gì với tài sản chung của chúng tôi và không vay nợ gì chúng tôi. Vợ chồng anh chị không vay nợ ai.

**** Cháu Bùi Viết A trình bày***: Nếu bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng của cháu muốn được ở với mẹ là Vũ Thị M.

*****Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*** Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị M được ly hôn anh L. Về quan hệ con chung: Cháu Bùi Viết V đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng. Đề nghị Tòa án giao cho chị M trực tiếp nuôi cháu Bùi Viết A, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Án phí: Chị M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, khởi kiện và có yêu cầu xin ly hôn do đó xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố T, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng

xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 7/2023 đến nay, chị M vẫn kiên quyết xin ly hôn. Xét thấy hôn nhân giữa chị M và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị M được ly hôn anh L.

[3] Về quan hệ con cái: Chị M và anh L có 02 con chung là Bùi Viết V, sinh ngày 10/5/2002 và Bùi Viết A, sinh ngày 14/8/2009. Cháu V hiện nay đã trưởng thành, không bị hạn chế về thể chất, tinh thần, không ai yêu cầu việc nuôi dưỡng nên không đặt ra giải quyết. Ly hôn, cần chấp nhận nguyện vọng của cháu A, chị M và anh L giao cho chị M được trực tiếp nuôi con Bùi Viết A. Chị M không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị M và anh L đều trình bày không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 228, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 55, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị M được ly hôn anh Bùi Viết L.

2. Về quan hệ con chung: Chị Vũ Thị M và anh Bùi Viết L có 02 con chung là Bùi Viết V, sinh ngày 10/5/2002 hiện nay đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng. Ly hôn, giao cho chị M được trực tiếp nuôi con Bùi Viết A, sinh ngày 14/8/2009. Chị M không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Anh Bùi Viết L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị Vũ Thị M và anh Bùi Viết L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0001052 ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

5. Về quyền kháng cáo: chị Vũ Thị M và anh Bùi Viết L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Uỷ ban nhân dân phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (Giấy Chứng nhận kết hôn số: 07 ngày 16/5/2003);
- Chi cục THADS thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương